

NÂNG CAO NĂNG LỰC THẨM MỸ của công chúng nghệ thuật

TS PHAN CÔNG KHANH
Học viện Chính trị khu vực IV

1. Công chúng nghệ thuật là một phần quan trọng của đời sống nghệ thuật. Nhìn từ mỹ học tiếp nhận, họ là một nửa của đời sống nghệ thuật, họ quyết định số phận của tác phẩm thông qua thưởng thức. Sáng tác làm nên tầm vóc của nghệ sĩ. Thưởng thức làm nên tầm vóc của tác phẩm. Nghệ sĩ và công chúng như đôi song tấu cùng làm nên tầm vóc của một nền nghệ thuật. Không có nghệ sĩ lớn nếu không có công chúng biết thưởng thức cũng như không có công chúng biết thưởng thức nếu không có tác phẩm lớn. *Truyện Kiều* tạo ra các thế hệ người đọc yêu mến *Truyện Kiều* cũng như các thế hệ người đọc yêu mến *Truyện Kiều* đã làm nên số phận khác thường của tác phẩm.

Nghệ sĩ là số ít, xác định, tên tuổi cụ thể. Công chúng là số đông, không xác định, phần lớn là không tên tuổi. Trường nhạc, trường họa rõ ràng là rất cần thiết nhưng không thể tạo ra Văn Cao, Phạm Duy, Tô Ngọc Vân, Dương Bích Liên v.v. nếu bản thân họ không có tài năng thiên phú. Tài năng nghệ thuật, một ít là của trời đất tức yếu tố bẩm sinh; một ít là của truyền thống quê hương; một ít là sự mời gọi ban bố của thời đại bởi những sự kiện lịch sử lớn lao. Truyền thống văn hóa, môi trường nghệ thuật, yêu cầu của thời đại và của công chúng, sự thôi thúc bên trong của người nghệ sĩ khi kết nối được tất cả yếu tố vừa kể, đó là điều kiện làm nên những tác phẩm vĩ đại. Truyền thống hay môi trường nghệ thuật là cái mà người nghệ sĩ không tạo ra được, giống như người ta không thể chọn cha mẹ giàu có. Tuy nhiên, không người nghệ sĩ nào thành công nếu không dấn thân, không “nhúng” sâu đời mình vào các sự kiện lớn của dân tộc mà quần

chúng nhân dân là nhân vật chính. Nói cách khác, nghệ sĩ phải viết cho công chúng, vì công chúng thì tác phẩm của họ mới là của công chúng.

Về phía công chúng, dường như chẳng trường lớp nào đào tạo được công chúng của *Truyện Kiều*, cải lương, nhạc cách mạng, bolero... Ở đây, xin phép chưa bàn những nghệ thuật hàn lâm như giao hưởng hay hội họa. Công chúng hát nhạc cách mạng bởi vì họ tham gia vào cuộc cách mạng ấy; họ say mê nhạc cách mạng hay nhạc kháng chiến vì họ say mê cách mạng, say mê kháng chiến. Họ là một phần của cuộc cách mạng ấy, họ viết nên cuộc cách mạng ấy còn người nghệ sĩ thì viết về họ, tức viết về cái phần cốt lõi của cuộc cách mạng ấy. Công chúng các thế hệ sau hát nhạc cách mạng vì họ được giáo dục về cuộc cách mạng ấy và cũng say mê nó. Như vậy, để tạo ra công chúng nghệ thuật, nâng tầm thẩm mỹ của họ thì cần có những tác phẩm hay phản ánh sinh động chính đời sống hay tình cảm của họ. Khá lâu rồi một lãnh đạo của Đảng từng trần trụi hơn 70% dân số sống ở nông thôn nhưng chỉ khoảng 1 - 2% nhà văn sống cùng họ, nhà văn lựa chọn viết hay không và viết gì về cái khối quần chúng đông đúc áp đảo kia?

2. Làm sao để có tác phẩm lớn? Nhiều người vẫn hay than phiền hiện thực đất nước thì vĩ đại nhưng phản ánh của nghệ thuật thì chưa tương xứng. Nghệ thuật chưa tận dụng được quà tặng mà thời đại đem đến. Một bộ phim tài liệu ra đời, sau này có người đánh giá là 01 trong 10 bộ phim tài liệu hay nhất lịch sử điện ảnh thế giới có một số phận long đong có thể so sánh với số phận nàng Kiều. Người quản lý kết luận phim có vấn đề, mượn chuyện xưa để

bóng gió chuyện nay nên định bóp mũi nó ngay từ lúc lọt lòng. Đạo diễn và ê kíp làm phim phải “nín thở” chờ nghe ý kiến của lãnh đạo. Các đồng chí lãnh đạo bận trăm công ngàn việc nhưng rất trách nhiệm đối với văn nghệ sĩ và nền nghệ thuật nước nhà nên sắp xếp xem rồi bảo có gì đâu, nên chiếu rộng rãi cho công chúng xem, vân vân và vân vân nhưng người quản lý cũng chưa an tâm. Tướng về hưu chường mặt ra được cái làng Vũ Đại văn chương thì cái người đẩy ông tướng ấy ra cũng phải lấy hết nhiều lần can đảm bình sinh. Vì vậy mà văn nghệ sĩ thì đòi tự do sáng tác, người quản lý nhân danh Nhà nước bảo đã rất tự do rồi, đòi hỏi gì nữa, cãi qua cãi lại không ai chịu ai rồi sinh ra xung đột, nhiều ông bỏ ra khỏi cái làng Vũ Đại ấy mà vẫn vừa đi vừa chửi, làm mang tiếng giới chính trị.

Đứng giữa nghệ sĩ và công chúng trong làng Vũ Đại còn có một nhân vật hay cầm cái roi dứ lên dứ xuống không biết nên xếp chính diện hay phản diện. Đó là nhà phê bình! Tôi vẫn tự hỏi nếu hỏi hai thế kỷ trước mà đã có phê bình chuyên nghiệp thì nàng Kiều có chường được mặt ra cái cỗi người ta không! E rằng dưới ngọn đuốc Nho giáo, các nhà phê bình không dễ nàng tái hợp Kim Trọng, lỡ bước lầu xanh rồi chỉ có vô chùa tụng kinh gõ mõ sám hối phục hồi nhân phẩm chứ không thể trở lại làm con gái nhà lành. Đã tu tu trót qua thì thì thôi. Có người hỏi Nguyễn Tuân viết khi nào vì thấy ông hay xê dịch, ông trả lời tôi viết vào đêm khuya, vì khi ấy các nhà phê bình đã ngủ say. Rồi ông còn muốn chôn theo một nhà phê bình khi chết. Nghệ sĩ dường như chỉ chấp nhận con mắt xanh chứ không ưa con mắt trắng của nhà phê bình. Tuy nhiên, nhà phê bình cũng là công chúng - một loại công chúng đặc biệt - công chúng của công chúng, vừa có tác động ít nhiều đối với nghệ sĩ, vừa có ảnh hưởng dẫn dắt người đọc. Họ cũng là chỗ dựa của nhà quản lý. Ngòi bút phê bình không thể phẫu thuật thẩm mỹ để biến tác phẩm từ cô gái mất một mí bánh bèo thành cô gái mất hai mí long lanh nhưng có thể đưa tác phẩm lơ lửng tới mây xanh mà cũng có thể nhấn xuống tận bùn sâu, có thể công kênh mà cũng có thể dẫm đạp. Hoài Thanh đang hoàng bước vào cỗi văn chương với thiên tuyệt bút *Một thời đại trong thi ca*. Thơ Mới không cần Hoài Thanh để chiến thắng thơ cũ nhưng không có Hoài Thanh, Thơ Mới sẽ mất đi một nhà truyền đạo tài

hoa có ảnh hưởng lâu dài. Phê bình có thể làm văn chương dậy ba đào mà cũng có thể làm sóng yên biển lặng, có thể là mũi dao đâm tề mà cũng có thể là giọt nước cam lồ. Hồi *Cánh đồng bất tận* của Nguyễn Ngọc Tư bị mai phục thập diện, bị bừa trực để trở thành *vũng lầy bất tận*, một bài viết có lý có tình của ông Tiên chỉ Hữu Thịnh khen chê rạch ròi sắc sảo lập tức trời quang mây tạnh. *Cây táo nhà ông Lành* bị đào tận gốc, tróc tận rễ đốt thành tro than cũng là do chiếc mai phê bình khắc nghiệt. Hòn đất có thể biến thành hòn ngọc, sỏi đỏ có thể biến thành sỏi đen. Ngồi mới có tô vẽ mây thì cũng chỉ là... ngồi chứ không thành mái vòm nguy nga lộng lẫy. Dư luận từng nói đến phê bình bốc thom và phê bình quy chụp. Tuy vậy, đằng sau nhà phê bình là đông đảo công chúng. Quyền uy thực sự của họ chính là lực lượng công chúng vô hình nhưng khí thế phía sau. Năng lực thẩm mỹ của công chúng được dẫn dắt ít nhiều bởi những các nhà phê bình.

Lịch sử cũng từng chứng kiến những hiện tượng nghệ thuật làm say mê công chúng mà không cần sự công kênh của phê bình. Chèo, quan họ hay cải lương không cần ai công kênh. Đợi đến nhà phê bình xuất hiện trước đám đông công chúng phần lớn mù chữ thì chèo và cải lương đã hạ màn, quan họ đã già bạn từ lâu hoặc họ sẽ làm mất đi cái chất hồn nhiên trong trẻo đầy thông minh sáng tạo trong thưởng thức của nhân dân. Trong văn chương bác học là *Truyện Kiều* hay *Lục Vân Tiên*. Những người mù chữ chân lấm tay bùn thật thà chất phác yêu thương Kiều vì tận đáy lòng mình, họ thấy Kiều đáng thương: xinh đẹp, thông minh, ngây thơ, trong trẻo, hiếu thảo... nhưng bị lường gạt, đọa đày. Công lý và mơ ước của cuộc đời là Kiều phải được hạnh phúc, nhưng bấy nhiêu lần chạm đến hạnh phúc là bấy nhiêu lần bị từ chối. Kiều Nguyệt Nga cũng vậy, xinh đẹp, nét na, trong sáng, nghĩa tình, chung thủy... nhưng nhiều phen lao đao lận đận, mà vẫn một lòng thủy chung. Nhân dân thương Kiều và Nguyệt Nga là vì đồng cảm về giấc mơ công lý của tác phẩm. Họ thấy mơ ước của mình trong mơ ước của nhân vật. Câu lục bát ngọt ngào và lời ăn tiếng nói dân gian như nhịp cầu tre vắt vẻo đưa họ đến với hai hoa hậu của làng văn chương Việt Nam. Không ai công kênh được hai nàng Kiều trước nhân dân, nhiều lắm các nhà phê bình hay báo chí chỉ có thể ghé vai vào chút đỉnh. Họ chỉ thực sự có quyền uy với những cô

cậu học trò hay độc giả của báo chí. Không có nhà phê bình nào lặn lội vào các xóm làng để dạy người dân cái hay cái đẹp í a duyên dáng của làn điệu chèo, cái xuống xề mũi mần ngan nga của câu vọng cổ, cái í à tình tứ của làn điệu quan họ. Người dân không chỉ thưởng thức, họ sống trong và sống với nghệ thuật chèo, cải lương, quan họ của tổ tiên từ trong bào thai, được “giáo dục” năng lực thẩm mỹ từ trong bào thai để rồi khi chào đời, họ tiếp tục được say giấc trong chiếc nôi nghệ thuật ấy; lớn lên, yêu thương, thành vợ thành chồng, sinh con đẻ cái trong ngôi nhà và trên chiếc giường nghệ thuật ấy; tức là được “nâng cao” năng lực thẩm mỹ mà không cần đến nhà phê bình hay báo chí tác động. Ở đại ngàn Tây Nguyên xưa cũng vậy, chỉ có các khan và bếp lửa nhà sàn bập bùng mà cái hay cái đẹp của sử thi được truyền đời trông tia và thu hoạch bởi những chàng trai, cô gái hồn hậu, trong trẻo, tràn trề sức sống như rừng cây, con suối. Họ được nuôi dưỡng, lớn lên và chết đi trong không gian sử thi thuần khiết ấy. Núi rừng linh thiêng, lễ hội, âm nhạc công chiêng, bếp lửa nhà rông, giọng kể sử thi của các khan và chính cuộc sống lao động đã nuôi dưỡng năng lực thẩm mỹ của họ chứ không phải bất cứ ai. Tương tự, công chiêng được trình diễn và thưởng thức trong không gian linh thiêng của núi rừng, lễ hội.. Vì vậy, UNESCO vinh danh không gian văn hóa công chiêng chứ không phải công chiêng hay nghệ thuật công chiêng.

Nhạc bolero ở Việt Nam cũng là một trường hợp kỳ lạ. Nó bình thản trôi nổi như giẻ lục bình lười biếng bập bềnh trên khúc sông Nam bộ đậm phù sa, vừa đi vừa nở những chùm bông tím có điểm chấm vàng duyên dáng mặc ai khen chê qua thăng trầm lịch sử và bão giông phê bình. Sau năm 1975, cái tên nhạc vàng như một phán quyết không chính thức để tống cổ bolero ra khỏi đời sống âm nhạc. Người ta bảo nó kẻ lẻ ni non, uỷ mị buồn thảm, thiếu sức sống, thiếu trí tuệ... Nói chung là *sến*. Có thể không khí chính trị và dòng âm nhạc chính thống đã ảnh hưởng cách đánh giá đối với bolero. Bị khinh rẻ, chê bai nhưng bolero vẫn tồn tại âm i bèn bi trong các thôn cùng xóm vắng bên các nhánh sông cheo leo heo hút, trong những xóm lao động nghèo ở đô thành ở Nam Bộ. Rất khó để dứt bolero ra khỏi người lao động bình dân Nam Bộ. Người Việt tha phương

mang theo khúc hát bolero để than khóc hoặc an ủi thân phận xa xứ. Sau những gian truân vất vả mưu sinh, khi cuộc sống bắt đầu ổn định và khá khả, công chúng có điều kiện đến với sân khấu, các trung tâm ca nhạc được thành lập, âm nhạc cũ của miền Nam, trong đó có bolero, lại được hồi sinh mạnh mẽ. Gạt bỏ yếu tố chính trị nếu có, bolero tuy uỷ mị nhưng đã phần nào nâng đỡ tâm hồn đồng bào người Việt trong những ngày buồn tủi xa quê. Buồn thì không thể hát nhạc vui. Nghệ thuật viết về nỗi buồn mới giải tỏa nỗi buồn. Bolero lén lút hồi hương, bên cạnh những tên tuổi cũ là những ca sĩ trẻ trung 7x, 8x tiếp tục làm say mê một lớp công chúng cũng vừa cũ vừa mới. Những năm 2000, khi nhiều ca sĩ hải ngoại được cấp phép biểu diễn trong nước thì một lớp công chúng Hà Nội và nhiều tỉnh phía Bắc lại chào đón bolero nhiệt thành. Trong các quán karaoke hay những buổi karaoke gia đình ở các ngõ hẻm hay thôn xóm Nam Bộ hiện nay, bolero vẫn đồng hành với giải trí của người dân. Họ hát say sưa hồn nhiên tuy có hơi ồn ào; và họ vẫn sống cuộc sống lao động lương thiện, yêu đời, không hề uỷ mị. Bolero dường như được phục hưng tuy bảng phong thần không có tên nó nhưng miễn sao bảng phong sát cũng không.

3. Hiện nay, sáng tác và thưởng thức nghệ thuật đã thay đổi rất nhiều. Thay cho lớp công chúng mù chữ hồi nào hồi nào là những chàng trai cô gái biết tiếng Tây, tay cầm điện thoại thông minh, tai gắn tai nghe, nhún nhảy đọc rap, lướt bàn phím nhanh như chớp. Internet, mạng xã hội, truyền thông đa phương tiện, công nghệ, hội nhập... và cả kinh tế thị trường đã tác động rất nhiều đến thị hiếu âm nhạc và tất nhiên không chừa năng lực thẩm mỹ của công chúng. Mạng xã hội có cái tích cực mà cũng có mặt tiêu cực, nó như một cội giang hồ hỗn độn, chính tà lẫn lộn, ảo và thực trộn lẫn vào nhau mơ mơ hồ hồ. Nó cần mọi người tự kiểm soát trước hết, nhưng đó là một yêu cầu xa xỉ trên mạng. Tôi đã đọc trong một trang web: *Thà đui mà giữ đạo nhà* nằm trong truyện thơ Lục Vân Tiên! Xuất hiện một lớp nhà truyền đạo và trợ tế mới trên các mạng xã hội. Bên cạnh những người rất trách nhiệm đối với bầu khí quyền văn hóa mạng, một số không ít hay tung tẩy, phán quyết vội vàng, chủ quan đối với các hiện tượng văn hóa, xã hội, các tác phẩm nghệ thuật.

Phần nào họ cũng xô mũi được dư luận, tập hợp được nhiều quần chúng bàn phím lăm lăm gạch đá trên tay. Mới đây là thơ 3 dòng. Đáng nói là thái độ mạt ly người khác, kể cả người có nhiều đóng góp đối với xã hội, mà không tranh biện gì.

4. Nâng cao năng lực thẩm mỹ của công chúng để làm gì? Vì công chúng hay vì nghệ thuật? Hay vì cả hai? Hay vì nhà quản lý? Nếu vì nền nghệ thuật thì âm nhạc hãy sinh ra những Văn Cao, Trịnh Công Sơn; thơ ca hãy sinh ra những Chế Lan Viên, Trần Đăng Khoa; văn chương hãy sinh ra những Nguyễn Huy Thiệp, Bảo Ninh; điện ảnh hãy sinh ra những Phạm Văn Khoa, Hồng Sến; và đừng bóp mũi những đứa con tinh thần của họ khi chúng vừa mới oe oe chào đời. Hãy dọn lên cho công chúng những món ăn tinh thần ngon và lành nhất. Nếu vì công chúng, do công chúng, của công chúng thì hãy tạo ra những tác phẩm hay. Công chúng nói chung rất thông minh chứ không ngờ nghệch như một số nhà quản lý nghĩ. Nhiều người vẫn sợ năng lực thẩm mỹ của công chúng hư hỏng khi phải thưởng thức những tác phẩm mà họ qui cho là phản động, suy đồi, thấp kém... Công chúng nghệ thuật luôn luôn đúng. Họ luôn luôn có lý khi khen hay chê một tác phẩm nghệ thuật. Họ thưởng thức tác phẩm một cách hồn nhiên, trong trẻo chứ không giống các nhà phê bình hay nghệ sĩ, đôi khi bị chi phối bởi những quan hệ phức tạp nào đó. Công chúng sẽ nâng niu những tác phẩm mà họ bắt gặp cuộc sống của mình, đồng cảm với lo toan của họ, chia sẻ tình cảm và nói lên khát vọng của họ. Các tác phẩm được nhiều thế hệ công chúng yêu mến thì thường bất hủ.

Liên quan đến năng lực thẩm mỹ của công chúng, một vấn đề đặt là làm thế nào để công chúng Việt Nam có thể tiếp nhận được những loại hình nghệ thuật hàn lâm. C.Mác nói để thưởng thức âm nhạc phải của cái tai âm nhạc. Giao hưởng, hội họa trừu tượng, nghệ thuật sắp đặt, nghệ thuật trình diễn... vẫn còn xa lạ với ngay cả công chúng trí thức Việt Nam. Chopin chọn Đặng Thái Sơn nhưng số đông người Việt chỉ kính nhi viễn chi đối với ngón đàn của ông. Một phần tư thế kỷ nữa e rằng cũng vậy nếu thiếu những Trần Văn Khê của nhạc thính phòng.

5. Từ những trình bày trên, để nâng cao năng lực thẩm mỹ của công chúng, chúng tôi cho rằng cần chú ý các yếu tố sau:

Thứ nhất, cốt lõi là phải có tác phẩm hay. Bày cho công chúng những món ăn vừa ngon vừa lành. Tác phẩm hay sẽ nâng tầm công chúng. Công chúng chờ đợi những tác phẩm phản ánh chính cuộc sống của họ; nói lên nguyện vọng, tâm tư, tình cảm của họ; dẫn dắt tư tưởng của công chúng, định hướng cho công chúng về thị hiếu thẩm mỹ. Không có tác phẩm hay sẽ không bao giờ có công chúng lớn, cũng như không có công chúng lớn thì không bao giờ có tác phẩm hay.

Vấn đề là làm sao có những tác phẩm hay? Tiền không tạo ra được tác phẩm hay. Chỉ thị, nghị quyết chỉ đóng vai trò như một cú hích. Thời đại lớn sẽ sinh ra những tác phẩm lớn. Có nhà nghiên cứu đúc kết rằng văn học dân gian chỉ thực sự rực rỡ ở vào giai đoạn cuối của các triều đại phong kiến, khi chúng đã mục ruỗng đến tận cùng: nhân dân phải nói lên tiếng nói thống thiết bi thương về cuộc sống của mình. Tác phẩm lớn thuộc về những nghệ sĩ lớn. Nghệ sĩ chưa lớn nhưng đã kêu ca lớn thì khó có tác phẩm lớn. Dường như các nghệ sĩ lớn của dân tộc trong thế kỷ XX ít khi kêu ca về điều kiện sáng tác. Nghệ sĩ lớn cần một tâm hồn lớn, một trái tim lớn, một tư tưởng lớn và sự dấn thân hết mình. Ở đây, mối quan hệ giữa chính trị và văn nghệ, vấn đề tự do sáng tác thường được đặt ra. Chính trị cởi mở thì nghệ sĩ sẽ hô hô nhưng không chắc sẽ tạo ra được tác phẩm lớn. Thông thường, nhà quản lý và một số người sáng tác không thống nhất với nhau về quan niệm tự do trong sáng tác. Vì vậy cần luật hóa vấn đề này. Có tự do theo quan niệm của một số nghệ sĩ rồi thì họ sẽ làm gì? Tôi đoán rằng họ sẽ hô hô hít thở không khí tự do ấy nhưng tác phẩm lớn thì cũng không chắc. Xưa nay, việc tự do thể hiện quan điểm của mình không phải là đặc điểm quan trọng của tài năng hay tác phẩm lớn. Tự do có lẽ xoay quanh hai vấn đề lớn: viết cái gì và viết thế nào. Không hẳn chữ mũi dùi phê phán xã hội thì sẽ có tác phẩm bất hủ. Ca ngợi cái đáng ca ngợi và phê phán cái đáng phê phán đều có giá trị như nhau. Cái đẹp sẽ cứu thế giới (Đôxtôiépki). Cái đẹp mới là vĩnh cửu. Dĩ nhiên, cái đẹp thiên hình vạn trạng, có cái đẹp của khúc ca khai hoàn nhưng cũng có cái đẹp của cách mạng bị dim trong biển máu. Điều quan trọng là nghệ sĩ không bị tước đi ngòi bút nếu họ không phản bội Tổ quốc, phản bội Nhân dân.

Thứ hai, xây dựng thể chế thông minh phù hợp với bối cảnh mới. Kỷ nguyên mới không thể quản lý theo kiểu cũ. Các lĩnh vực xã hội được yêu cầu chuyển từ quản lý sang quản trị. Nghệ thuật chắc cũng không nằm ngoài xu hướng này. Khác biệt cơ bản giữa quản trị và quản lý là gì, theo tôi cốt lõi là: quản lý là rào để kiểm soát, quản trị là mở để kiểm soát; quản lý kiểm soát trong sự khép kín, quản trị kiểm soát trong sự mở rộng tương tác; quản lý liệt kê danh sách được làm, quản trị liệt kê danh sách không được làm; quản lý quản không được thì cấm, quản trị quản không được thì xem lại điều cấm có phù hợp không; quản lý dè chừng trước cái mới, quản trị khuyến khích cái mới. Chìa khóa của quản lý là đội ngũ giám sát, chìa khóa của quản trị là thể chế. Bản chất của nghệ thuật là sáng tạo. Cái mới là sinh mệnh của nghệ thuật. Thể chế phải khuyến khích sự sáng tạo, chào đón những cái mới chưa từng xuất hiện. Mặt khác, sự phát triển của khoa học, công nghệ, trí tuệ nhân tạo, mạng xã hội, làn sóng hội nhập quốc tế v.v. tác động rất lớn đến sáng tác và thưởng thức nghệ thuật, vì vậy đòi hỏi thể chế phải thay đổi để theo kịp. Thể chế phù hợp, tiến bộ là bà đỡ của sáng tạo nghệ thuật. Chủ trương, chính sách phù hợp, tôn trọng tài năng và cá tính sáng tạo, chấp nhận cái mới, chấp nhận sự phát triển của các trường phái nghệ thuật chắc chắn sẽ thúc đẩy sáng tạo, qua đó gián tiếp nâng tầm của thưởng thức. Vinh quang và bi kịch của nghệ thuật nằm ở hình tượng nghệ thuật. Hình tượng nghệ thuật phải là sáng tạo không lặp lại, không lặp lại người khác và không ai lặp lại được mình. Hình tượng nghệ thuật phản ánh đời sống nhưng không sao chép đời sống cứng đờ. Đứa con cưng này được người nghệ sĩ tạo tác bằng cách đánh tráo con ve vàng, kim thiên thoát xác, tức mượn cái này để nói cái khác, để “đánh lừa” công chúng, mượn con cò để nói thân phận người phụ nữ, mượn ông đồ hồn ở đâu bây giờ để ngâm ngùi cho sự suy tàn của Nho học. Vì vậy mà chính trị thường rất cảnh giác với nghệ thuật. Thể chế phải chú ý đến đặc trưng hình tượng của nghệ thuật, cả từ hai phía: không cho phép lợi dụng gieo rắc cái xấu, cái ác đồng thời không ngăn cấm mà còn phải khuyến khích sự sáng tạo. Có người từng nói có nhiều bộ trưởng, thứ trưởng nhưng chỉ có một Nguyễn Tuân, một Xuân Diệu, một Chế Lan Viên... Vì vậy, nếu họ có sai lầm thì cũng nên tha thứ. Bùi Xuân Phái cũng

nói đại ý nên trân trọng tài năng vì họ sẽ làm rạng rỡ đất nước. Nghệ thuật phải cổ vũ, động viên đời sống. Nghệ thuật phải cất lên tiếng hát lạc quan yêu đời nhưng cũng phải quì gối trước nỗi đau của nhân loại, như nhân vật của Đôđiép-xki quỳ trước cô gái làng chơi. Nhà văn không hẳn phải giác ngộ và cầm tay đưa chị Dậu đến với những cuộc đấu tranh thì mới được coi là tiến bộ. Chỉ cần anh rung cảm trước nỗi đau của con người. Anh bộ đội không cứ áo phải rách vai, quần có vài mảnh vá mà có thể áo hào hoa phai bạc bụi trường chinh. Thể chế muốn mọi thứ lý tưởng một cách trong veo thì cũng giống như vùng nước trong, sẽ không có cá đến ở và sinh sôi. Hơn nữa, thể giới đã phẳng và sẽ ngày càng phẳng hơn, ngôn ngữ rồi sẽ không còn là rào cản. Thể giới nghệ thuật đang phẳng và sẽ ngày càng phẳng. Công chúng nghệ thuật là công dân trong cái thể giới phẳng ấy. Nhiều thứ tưởng như cấm được thật ra không thể cấm, càng cấm càng kích thích công chúng tìm kiếm, nó vẫn lan truyền âm i đâu đó rồi thỉnh thoảng bực ra chỗ này chỗ nọ. Sự thật sẽ có ngày đánh úp vào những chỗ chưa được nhìn nhận.

Thứ ba, xây dựng nền phê bình hiện đại, hội nhập

Phê bình nghệ thuật đang ở thời điểm khó khăn. Các tài năng phê bình như thời chiến tranh đi đâu cả rồi chẳng?! Hiện nay, không nhiều nhà phê bình tâm huyết sống hết mình với đời sống nghệ thuật. Trường lớp chỉ sinh ra được nhà nhiên cứu chứ không đẻ được nhà phê bình. Như người làm sân khấu, phê bình phải có cái duyên trời cho. Duyên của Hoài Thanh, Vũ Quần Phương, Trần Đăng Khoa là của trời cho. Trời cũng chỉ cho ở những thời khắc nào đó. Có nghệ sĩ lớn mới có nhà phê bình lớn. Nếu ví nghệ sĩ sáng tạo như gieo trồng thì công chúng, trong đó có nhà phê bình, là người thu hoạch. Mùa màng tốt tươi thì mới đông đảo người thu hoạch, mùa màng ỉu hiu thất bát thì họ bỏ đi làm việc khác là đương nhiên.

Phê bình phải dựa vào các lý thuyết. Phần lớn các lý thuyết phê bình ở Việt Nam là du nhập từ phương Tây. Phê bình phương Tây hình thành nhiều trường phái cạ sát nhau. Nền phê bình hiện đại, hội nhập cũng phải chấp nhận các trường phái khác nhau, giống như những cánh cửa mở vào chân trời tác phẩm ở những phía khác nhau để khám phá những phương diện thẩm mỹ khác nhau, qua đó hỗ trợ cho sự cảm nhận của công chúng đa dạng. Cũng

như người đọc nói chung, nhà phê bình đến với tác phẩm và sáng tạo nó thêm lần nữa qua cảm nhận của mình. Họ như người vẽ chân dung nghệ thuật, chân dung nghệ sĩ. Công chúng sung sướng tự mình thưởng thức cảnh đẹp thiên nhiên kì vĩ nhưng sẽ phải lần nữa trầm trồ những bức ảnh thiên nhiên nhiên ấy trong một khuôn hình có tỉ lệ nhỏ hơn rất nhiều do nhà phê bình thu gọn và kéo gần lại. Nó là những khoảnh khắc, những điểm nhấn độc đáo mà đôi khi công chúng có thể lướt qua. Vì vậy, phê bình cần cho công chúng cũng như cần cho nhà quản lý.

Phê bình cũng là khen chê. Năng lực thẩm mỹ về một phương diện nào đó cũng là năng lực khen chê. Không dễ khen chê những hình tượng nghệ thuật thường là mộng lung mơ hồ. Cái duyên và cái tài của nhà phê bình là ở đây. Trên cả cái duyên và cái tài là sự thể tất nhân tình và lòng dũng cảm. Hồ Chí Minh từng có lời dạy có thể suy diễn rộng ra mà không sợ sai ý của Người là phải sống với nhau có tình có nghĩa. Thể tất nhân tình để trân trọng công sức của người làm nghệ thuật, dũng cảm để dám đứng về phe thiếu số khi cần bảo vệ cái hay cái đẹp đang bị tấn công, bị hiểu lầm. Người sống cùng thôn xóm nghệ thuật với nhau mà không bảo vệ nhau thì không còn là thôn xóm nữa rồi. Trong bối cảnh mạng xã hội phát triển, cần xây dựng văn hóa của phê bình để có một nền phê bình có văn hóa. Khen chê một món ăn khi có người nấu phục vụ mình cũng cần sự nhẹ nhàng, tinh tế hướng chỉ khen chê một đứa con tinh thần.

Thứ tư, phục sinh văn hóa đọc

Nghệ thuật cũng như sách vở nói chung đang bị cạnh tranh dữ dội bởi những loại hình giải trí khác. Đứa bé chưa biết chữ sẽ từ chối quyển sách đầu có nhiều hình ảnh bắt mắt để đòi được cầm lấy chiếc điện thoại thông minh. Nhiều bậc phụ huynh đã đồng lòng chuyển đổi số nhanh chóng trong đồ dành con nhỏ, vô tình biến công nghệ thành môi trường của đứa trẻ và khuyến khích thói quen lướt web thay vì đọc sách.

Theo Bộ Thông tin và Truyền thông, Việt Nam hiện chỉ có 30% số người đọc sách thường xuyên, 26% không đọc sách và 44% thỉnh thoảng. Một thống kê của Hội Xuất bản Việt Nam năm 2023 cho biết nếu không kể sách giáo khoa và sách tham khảo học đường chiếm đến 80% số lượng sách trên thị trường thì trung bình, mỗi người Việt đọc khoảng

1,2 quyển/năm. So với Malaysia, trung bình 10 cuốn/năm; Singapore là 14 cuốn; người Nhật, Pháp, Israel là 20 cuốn¹. Trên các chuyến tàu điện ngầm ở các nước phát triển, một hình ảnh quen thuộc là những người trẻ với quyển sách trên tay.

Sách không phải là tất cả văn chương - một lĩnh vực của nghệ thuật. Tuy nhiên, sách bồi đắp kiến thức, nuôi dưỡng tâm hồn - những yếu tố quan trọng làm nên tầm đón nhận nghệ thuật, nâng cao năng lực thẩm mỹ của công chúng. Sách là người bạn, người thầy của mỗi chúng ta. Ngôn ngữ có thể vươn đến những ngóc ngách sâu thẳm của tư duy và tâm hồn, ưu thế hơn rất nhiều so với những ký hiệu giao tiếp khác. Đọc không đơn thuần là giao tiếp. Đọc là sống, là trải nghiệm. Người đọc nhiều sách thường giàu có về tâm hồn hơn người không đọc sách. Năng lực thẩm mỹ, đơn giản là khả năng thưởng thức và sáng tạo cái đẹp, khả năng nhận ra cái xấu và biết tránh xa nó. Cái đó thuộc về tâm hồn, như Hoài Thanh từng nói lấy hồn tôi để hiểu hồn người. Trong nền kinh tế thị trường hối hả và lạnh lùng, công nghệ phát triển, trí tuệ nhân tạo lên ngôi, lý trí có thể lấn át cảm xúc; đời sống tinh thần và vật chất, đời sống ảo và đời sống thực có thể mất cân bằng, thường xuyên đọc có thể khiến người ta sống chậm lại và tự cân bằng.

Tóm lại, không có sản xuất thì không có tiêu dùng cũng như không có tiêu dùng thì cũng không có sản xuất. Nghệ sĩ và công chúng, sáng tạo và thưởng thức gắn chặt nhau. Nâng cao năng lực thẩm mỹ của công chúng trong bối cảnh thế giới nghệ thuật ngày càng phẳng là một yêu cầu của đời sống nghệ thuật. Chăm bồi các tài năng nghệ thuật, tạo điều kiện sáng tạo ra các tác phẩm xứng tầm thời đại, xây dựng thể chế thông minh, xây dựng nền phê bình hiện đại, hội nhập và phục sinh văn hóa đọc là những yếu tố tác động trước mắt đối với khả năng cảm thụ của công chúng. Phải chăng đó chính là những yếu tố làm nên cái mùa thu xào xạc lá trong hình dung của Chế Lan Viên: *Bài thơ anh, anh làm một nửa mà thôi/ Còn một nửa cho mùa thu làm lấy*.

1. Nguyễn Minh Hải: *Mỗi người đọc một cuốn sách mỗi năm*/Báo Người Lao động, 24-10-2023. <https://nld.com.vn/van-nghe/moi-nguoi-doc-mot-cuon-sach-moi-na-m-20231023210949132.htm>.